|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH LAI CHÂU**Số: /TTr-UBND**DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Sửa đổi nội dung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;Luật ban hành quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Căn cứ Kết luận số 121-KL-TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18/NQ-TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Căn cứ Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết số: 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi nội dung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Ngày 16/4/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 778/QĐ TTg về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2025 (gọi tắt là Chương trình). Theo đó, tỉnh Lai Châu được bổ sung số kinh phí là 263.402 triệu đồng để tổ chức triển khai 10 dự án thành phần, 9 tiểu dự án, 20 nội dung hỗ trợ của Chương trình trong năm 2025 trên nhiều lĩnh vực như: sự nghiệp kinh tế; phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; giáo dục, đào tạo, dạy nghề; văn hóa thông tin; y tế, dân số, gia đình; đảm bảo an sinh xã hội;...

- Hiện nay, việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025 đang thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được quy định tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh tới các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố tại thời điểm hiện nay có một số nội dung không còn phù hợp như: Đã thực hiện hợp nhất, kết thúc hoạt động một số Sở; chuyển một số nội dung, nhiệm vụ sang các Sở theo chức năng; kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện kể từ 01/7/2025.

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. 2 Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết: (1) Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; (2) Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 về thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

- Do nguồn vốn cần triển khai ngay, để đảm bảo việc phân bổ kinh phí sự nghiệp cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường theo đúng quy định và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy. Việc ban hành Nghị quyết sửa đổi nội dung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong việc thực hiện nguồn vốn sự nghiệp năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, mục tiêu đề ra.

**2. Quan điểm**

Để đảm bảo thực hiện Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai kịp thời, hiệu quả, thì việc phân bổ kinh phí phải đảm bảo đúng đối tượng và thời gian ngay sau khi chính quyền địa phương các xã, phường mới đi vào hoạt động, không làm gián đoạn các hoạt động của bộ máy các cơ quan đơn vị, địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 2169/UBND-TH về việc tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh. Trong đó, giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh nội dung tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy trình rút gọn.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết sửa đổi nội dung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP ngày ..... tháng 6 năm 2025.

Dự thảo Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh (ngày ...... tháng 6 năm 2025) và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến tại phiên họp ngày .... tháng 6 năm 2025.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

***1. Bố cục***

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 4 điều:

**Điều 1:** Sửa đổi nội dung một số Điều quy định về Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

**Điều 2:** Sửa đổi một số nội dung tại 10 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3:** Tổ chức thực hiện

**Điều 4:** Hiệu lực thi hành

***2. Nội dung sửa đổi***

**Điều 1.** Sửa đổi nội dung một số Điều quy định về Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025:

1. Sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 1 như sau:

“a) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.”

2. Sửa đổi khoản 1, Điều 3 như sau:

“1. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương *(vốn đầu tư và vốn sự nghiệp)* phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh, các xã, phường được quy định chi tiết theo 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

3. Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 3 như sau:

“b) Tổng số vốn phân bổ cho các xã, phường được xác định bằng tổng số vốn các dự án, tiểu dự án thành phần còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

Tổng số vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần cho mỗi xã, phường được xác định trên cơ sở định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án tương ứng nhân với tổng số điểm của mỗi xã, phường.

Định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án bằng tổng vốn phân bổ cho dự án, tiểu dự án đó chia cho tổng số điểm của dự án, tiểu dự án tương ứng *(sau khi trừ đi phần vốn của cấp tỉnh)*.

Tổng điểm của dự án, tiểu dự án được xác định bằng số lượng tiêu chí nhân với số điểm của từng tiêu chí tương ứng.

Số điểm của từng tiêu chí được quy định cụ thể theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

4. Sửa đổi khoản 3, Điều 4 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ (*nếu có*) vốn đối ứng ngân sách các xã, phường giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện. Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ bố trí vốn đối ứng cho các xã, phường có tỷ lệ giải ngân cao.”

**Điều 2.** Sửa đổi một số nội dung tại 10 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Sửa đổi các cụm từ “cấp huyện” thành cụm từ “các xã, phường” và các cụm từ “huyện, thành phố” thành cụm từ “xã, phường” tại 10 phụ lục kèm theo tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sửa đổi các cụm từ “Ban Dân tộc” thành cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo”, tại phần 4, phụ lục số 5; phần 1, phần 2 phụ lục số 9; phần 1, phần 3 phụ lục số 10.

3. Sửa đổi, điều chỉnh tỷ lệ phần trăm phân bổ vốn sự nghiệp tại nội dung phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, mục 2.2 phân bổ vốn sự nghiệp, phần 2. Tiểu dựa án 2, Phụ lục số 3 như sau:

 “a) Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 73,65% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2 (Sở Nông nghiệp và Môi trường không quá 73,15%; Sở Công thương không quá 0,5%).

b) Phân bổ vốn cho các xã, phường: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) | 28 | a | 28 x a |
| 2 | Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã) | 5 | b | 5 x b |
|  | **Tổng cộng điểm (1+2)** |  |  |  |

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới | 2 | a | 2 x a |
|  | **Tổng cộng điểm (1)** |  |  |  |

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK | 0,15 | a | 0,15 x a |
|  | **Tổng cộng điểm (1)** |  |  |  |

Tổng số điểm mỗi xã, phường được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí cơ bản cộng với nhóm tiêu chí ưu tiên.”

4. Sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung cụm từ tại mục 3.2, phần 3. Tiểu dự án 3, phụ lục số 5 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 26% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 3 (Sở Nội vụ không quá 6%; Trường Cao đẳng Lai Châu không quá 20%).”

5. Sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung tại phần 2, phụ lục số 8 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 22,5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của dự án 8 (Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh không quá 18,5%; Sở Nội vụ 2% 2%; Sở Y tế 2%).”

6. Sửa đổi nội dung cụm từ tại mục 1.2, phần 1. Tiểu dự án 1, phụ lục số 10 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: (Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 18,5%; Sở Tư pháp không quá 19%; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch không quá 19%; Liên minh Hợp tác xã không quá 3,5%)”.

***3. Căn cứ đề xuất:***

Căn cứ các Nghị quyết số: 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND tỉnh về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

Khi giải thể cấp huyện và chuyển quyền hạn, nhiệm vụ về cấp xã, các hoạt động hành chính vẫn được đảm bảo liên tục và thông suốt, không bị gián đoạn.

***Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu***

1. Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp.

3. Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo

4. Các tài liệu có liên quan khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);- Thường trực HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Các Sở: Dân tộc và Tôn giáo; Tài chính; Tư pháp;- Văn phòng UBND tỉnh;- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Lê Văn Lương** |